



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CAN THO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: Số 45 đường 3 tháng 2, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Add: No 45, 3/2 Street, Ninh Kieu Ward, Cantho City
Email: catech@cantho.gov.vn

Tel: 0292.3830353
Website: catech.vn



VILAS 086

Số: 5916/MT/2358/0626

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 13/07/2026
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải 1 (Đầu vào HTXL nước thải tại ngăn tiếp nhận)
Tọa độ: 0588596/1106513
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu khoảng 4,2 lít (04 chai)
3. Ngày nhận mẫu : 26/06/2026
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 26/06/2026 đến 11/07/2026
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ
Số 2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 2358MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Lúc 17h15 ngày 26/06/2026 tại Nhà máy xử lý nước thải TP. Cần Thơ - Phường Hưng Phú, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/L	US.EPA Method 200.7	0,07
2	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0045
3	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	25
4	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,03)
5	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	9,81
6	Hàm lượng dầu mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL = 0,90)
7	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0050
8	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0020

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORTNgày: 13/07/2026
Trang: 2/2

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00025)
10	Hàm lượng Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	US EPA Method 200.7 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL = 0,005)
11	Hàm lượng Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 200.7	0,37
12	Hàm lượng tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000	14,29
13	Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	1,37
14	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	4,5 x 10 ⁵

CATECH

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
- Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



VILAS 086

Số: 5917/MT/2358/0626

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 13/07/2026
Trang: 1/2

- Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải 2 (Đầu ra HTXL nước thải tại trạm quan trắc tự động)
Tọa độ: 0588826/1106751
- Số lượng mẫu : 01 mẫu khoảng 4,2 lít (04 chai)
- Ngày nhận mẫu : 26/06/2026
- Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
- Ngày thử nghiệm : Từ 26/06/2026 đến 11/07/2026
- Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ**
Số 2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
- Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
- Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 2358MT
 - Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Lúc 17h15 ngày 26/06/2026 tại Nhà máy xử lý nước thải TP. Cần Thơ - Phường Hưng Phú, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/L	US.EPA Method 200.7	0,12
2	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0028
3	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	7
4	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,03)
5	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	3,08
6	Hàm lượng dầu mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL = 0,90)
7	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0091
8	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0002)

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - ^(a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú



GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
- Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORTNgày: 13/07/2026
Trang: 2/2

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00025)
10	Hàm lượng Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	US EPA Method 200.7 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL = 0,005)
11	Hàm lượng Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,04)
12	Hàm lượng tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000	8,69
13	Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	0,90
14	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	< 1,8 ^(a)

CATECH

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
- Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



Số: 5918/MT/2358/0626

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 13/07/2026
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Bùn thải (Tại sân phơi bùn)
Tọa độ: 0589017/1106504
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu khoảng 1,5 kg (01 túi)
3. Ngày nhận mẫu : 26/06/2026
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bao bì nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 26/06/2026 đến 11/07/2026
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ
Số 2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 2358MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Lúc 17h15 ngày 26/06/2026 tại Nhà máy xử lý nước thải TP. Cần Thơ - Phường Hưng Phú, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 6010D	0,22
2	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 6010D	KPH (MDL = 0,003)
3	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 6010D	KPH (MDL = 0,003)
4	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 6010D	0,34
5	Hàm lượng Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	US EPA Method 1311 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,75
6	pH	-	US EPA Method 9040C + US EPA Method 9045D	3,69 (tại 21,0°C)
7	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 6010D	0,14
8	Hàm lượng Selen (Se)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 6010D	KPH (MDL = 0,02)

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

(Signature)



GIÁM ĐỐC
PHÒNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Ngày: 13/07/2026
Trang: 2/2

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9	Hàm lượng Tổng Cyanua	ppm	US EPA Method 9013A & SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2017	KPH (MDL = 0,60)
10	Hàm lượng tổng dầu	mg/L	US EPA Method 1311 + SMEWW 5520B:2023	9,60
11	Hàm lượng Coban (Co)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 6010D	KPH (MDL = 0,02)
12	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 6010D	1,24
13	Tỷ số T (quy ra từ độ ẩm)	-	Tham khảo TCVN 6648:2000	0,91

CATECH

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
- Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: Số 45 đường 3 tháng 2, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Tel: 0292.3830353

Add: No 45, 3/2 Street, Ninh Kieu Ward, Cantho City

Website: catech.vn

Email: catech@cantho.gov.vn



VILAS 086

Số: 5931/MT/2360/0626

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 13/07/2026
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải 1 (Đầu vào HTXL nước thải tại ngăn tiếp nhận)
Tọa độ: 0588596/1106513
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu khoảng 6,2 lít (06 chai)
3. Ngày nhận mẫu : 26/06/2026
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 26/06/2026 đến 11/07/2026
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ**
Số 2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 2360MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Lúc 16h45 ngày 26/06/2026 tại Nhà máy xử lý nước thải TP. Cần Thơ - Phường Hưng Phú, thành phố Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,68 (tại 29,1°C)
2	Độ màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	18,38
3	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	73
4	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	152
5	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	30,00
6	Hàm lượng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	HD 5.6-QT-56	274
7	Hàm lượng Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,02)
8	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	10,37

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú



GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORTNgày: 13/07/2026
Trang: 2/2

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9	Hàm lượng dầu mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL = 0,90)
10	Hàm lượng tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000	14,85
11	Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	1,38
12	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (MDL = 0,15)
13	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0050
14	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,00032
15	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0058
16	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00025)
17	Hàm lượng Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,01
18	Hàm lượng Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 200.7	0,31
19	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL = 0,90)
20	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	6,8 x 10 ⁵

CATECH

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. 2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CAN THO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: Số 45 đường 3 tháng 2, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Add: No 45, 3/2 Street, Ninh Kieu Ward, Cantho City
Email: catech@cantho.gov.vn

Tel: 0292.3830353

Website: catech.vn



VILAS 086

Số: 5932/MT/2360/0626

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 13/07/2026
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải 2 (Đầu ra HTXL nước thải tại trạm quan trắc tự động)
Tọa độ: 0588826/1106751
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu khoảng 6,2 lít (06 chai)
3. Ngày nhận mẫu : 26/06/2026
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được chứa trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 26/06/2026 đến 11/07/2026
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ
Số 2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 2360MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Lúc 16h45 ngày 26/06/2026 tại Nhà máy xử lý nước thải TP. Cần Thơ - Phường Hưng Phú, thành phố Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,93 (tại 28,7°C)
2	Độ màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	21,80
3	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	9
4	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	19
5	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	20,50
6	Hàm lượng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	HD 5.6-QT-56	241
7	Hàm lượng Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,02)
8	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	3,50

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - ^(a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú



GIÁM ĐỐC
HỒ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 13/07/2026
Trang: 2/2

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9	Hàm lượng dầu mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL = 0,90)
10	Hàm lượng tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	9,53
11	Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	0,92
12	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (MDL = 0,15)
13	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,010
14	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,00028
15	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0047
16	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00025)
17	Hàm lượng Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL = 0,003)
18	Hàm lượng Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 200.7	0,30
19	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL = 0,90)
20	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	< 1,8 ^(a)

CATECH

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. 2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.